

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CHIẾU SÁNG
VÀ THIẾT BỊ ĐÔ THỊ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 39

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Chiếu sáng và Thiết bị Đô thị (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

Khái quát chung

Công ty TNHH Một thành viên Chiếu sáng và Thiết bị Đô thị được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0100106024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 31/05/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 26/09/2018.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Số 1, Phố Vũ Đức Thận, P. Việt Hưng, Q. Long Biên, TP. Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: 510.000.000.000 VND (Bằng chữ: Năm trăm mười tỉ đồng).

Ban lãnh đạo

Các thành viên Ban lãnh đạo Công ty TNHH Một thành viên Chiếu sáng và Thiết bị đô thị đã điều hành Công ty trong năm tài chính 2021 và đến ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng thành viên

Ông Nguyễn Quốc Khánh	Chủ tịch Hội đồng thành viên
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên Hội đồng thành viên

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Anh Tuấn	Tổng Giám đốc
Ông Đặng Quốc Nam	Phó Tổng Giám đốc
Ông Thái Trần Đức	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Việt Hùng	Kế toán trưởng

Kiểm soát viên

Bà Nguyễn Thị Phụng	Kiểm soát viên chuyên trách
Bà Phạm Linh Chi	Kiểm soát viên không chuyên trách

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Đông Á.

Kết quả hoạt động

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

- | | |
|--|---------------------|
| • Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 350.177.602.464 VND |
| • Tổng lợi nhuận sau thuế | 8.740.645.866 VND |

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính đã tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước đồng thời có trách nhiệm trong việc đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Thay mặt Ban Giám đốc,



Nguyễn Anh Tuấn
Tổng Giám đốc

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CHIẾU SÁNG VÀ THIẾT BỊ ĐÔ THỊ
Hà Nội, ngày 22 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc**
 Công ty TNHH Một thành viên Chiếu sáng và Thiết bị đô thị

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên Chiếu sáng và Thiết bị đô thị (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 22 tháng 3 năm 2022, từ trang 06 đến trang 39 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Chiêu sáng và Thiết bị Đô thị tại ngày 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Vũ Đức Thắng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận ĐKHN

kiểm toán số: 0307-2018-043-1

Thay mặt và đại diện

Công ty TNHH Kiểm toán Đông Á

Hà Nội, ngày 22 tháng 3 năm 2022

Nguyễn Thị Lan

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận ĐKHN

kiểm toán số: 1685-2018-043-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	31/12/2021	01/01/2021
A/ TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		256.448.187.754	259.151.817.476
I/ Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	44.153.022.419	35.291.040.670
1. Tiền	111		33.589.612.213	24.648.215.876
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.563.410.206	10.642.824.794
II/ Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		61.445.670.301	20.201.643.836
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.02	61.445.670.301	20.201.643.836
III/ Các khoản phải thu ngắn hạn	130		27.876.966.527	15.130.625.171
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	22.679.963.127	11.433.111.064
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	3.432.757.262	3.047.121.159
6. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136	V.06	2.150.248.888	1.036.395.698
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(386.002.750)	(386.002.750)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV/ Hàng tồn kho	140		105.213.140.413	164.780.074.405
1. Hàng tồn kho	141	V.08	113.285.704.613	168.383.280.527
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(8.072.564.200)	(3.603.206.122)
V/ Tài sản ngắn hạn khác	150		17.759.388.094	23.748.433.394
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.14	1.058.825.501	1.115.305.230
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		14.245.732.829	20.336.765.695
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.17	2.454.829.764	2.296.362.469,00
B/ TÀI SẢN DÀI HẠN	200		270.152.432.902	281.272.310.414
I/ Các khoản phải thu dài hạn	210		16.212.815.399	16.689.296.308
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.05	25.899.073.766	24.721.295.243
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		612.725.000	612.725.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.07	15.740.571.308	16.076.571.308
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(26.039.554.675)	(24.721.295.243)
II/ Tài sản cố định	220		225.984.720.755	236.598.012.498
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	141.974.053.335	150.148.269.070
- Nguyên giá	222		271.254.612.347	266.383.525.564
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(129.280.559.012)	(116.235.256.494)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	84.010.667.420	86.449.743.428
- Nguyên giá	228		98.473.448.408	98.473.448.408
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(14.462.780.988)	(12.023.704.980)
III/ Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV/ Tài sản dở dang dài hạn	240		3.306.407.319	4.133.686.656
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	3.306.407.319	4.133.686.656
V/ Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.13	23.531.452.940	23.509.741.701
1. Đầu tư vào công ty con	251		21.938.500.000	21.938.500.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		3.252.044.618	3.252.044.618
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.659.091.678)	(1.680.802.917)
VI/ Tài sản dài hạn khác	260		1.117.036.489	341.573.251
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	1.117.036.489	341.573.251
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		526.600.620.656	540.424.127.890

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	31/12/2021	01/01/2021
C/ NỢ PHẢI TRẢ	300		103.803.448.038	121.500.941.852
I/ Nợ ngắn hạn	310		99.502.957.108	116.276.707.576
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	33.165.036.625	24.176.236.977
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.18	16.852.923.576	44.197.246.952
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17	290.880.965	308.032.610
4. Phải trả người lao động	314		12.439.575.474	11.873.523.200
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.20	1.672.983.145	1.764.514.000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.21	2.304.752.244	2.126.255.710
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.23	50.000.000	50.000.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.22	9.159.562.860	8.981.366.236
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		23.567.242.219	22.799.531.891
II/ Nợ dài hạn	330		4.300.490.930	5.224.234.276
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.16	2.707.109.041	4.826.680.041
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	V.19	220.650.000	154.500.000
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	V.24	1.372.731.889	243.054.235
D/ VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		422.797.172.618	418.923.186.038
I/ Vốn chủ sở hữu	410	V.25	422.797.172.618	418.923.186.038
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		405.260.224.674	401.805.646.982
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		405.260.224.674	401.805.646.982
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		249.790.888	1.606.613.572
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.966.068.120	1.189.836.548
- LNST chưa phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		1.217.938.948	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.748.129.172	1.189.836.548
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		14.321.088.936	14.321.088.936
II/ Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		526.600.620.656	540.424.127.890



Nguyễn Anh Tuấn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 22 tháng 3 năm 2022

Kế toán trưởng
Trần Việt Hùng

Người lập biểu
Đặng Lan Anh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Năm 2021	Năm 2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	350.177.602.464	313.557.932.292
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		350.177.602.464	313.557.932.292
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	307.042.013.595	274.653.667.401
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		43.135.588.869	38.904.264.891
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	3.709.171.866	2.854.624.807
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	(16.056.206)	(17.302.909)
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	46.642.180
8. Chi phí bán hàng	24	VI.07	4.712.316.699	3.654.160.849
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.07	33.382.145.714	30.347.046.584
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		8.766.354.528	7.774.985.174
11. Thu nhập khác	31	VI.05	2.173.040.305	975.567.111
12. Chi phí khác	32	VI.06	165.329.189	451.845.265
13. Lợi nhuận khác	40		2.007.711.116	523.721.846
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		10.774.065.644	8.298.707.020
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.09	2.033.419.778	1.571.750.718
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		8.740.645.866	6.726.956.302



Nguyễn Anh Tuấn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 22 tháng 3 năm 2022

Kế toán trưởng
Trần Việt Hùng

Người lập biểu
Đặng Lan Anh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2021	Năm 2020
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và DT khác	01	309.104.215.541	536.071.841.042
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02	(186.723.563.636)	(402.724.065.075)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(54.949.765.691)	(57.153.581.421)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	-	(77.489.663)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(2.290.000.000)	(1.000.000.000)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	65.290.400.344	14.214.058.834
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(79.142.247.099)	(51.063.725.669)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	51.289.039.459	38.267.038.048
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(3.970.805.790)	(7.941.311.443)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các CC nợ của đơn vị khác	23	(70.139.474.363)	(50.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của ĐV khác	24	30.710.508.205	40.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	967.282.210	2.925.342.635
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(42.432.489.738)	(15.015.968.808)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của CSH	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại CP của DN đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	-	7.773.813.392
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	(18.006.148.345)
5. Tiền trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	(10.232.334.953)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	8.856.549.721	13.018.734.287
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	35.291.040.670	22.273.689.915
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	5.432.028	(1.383.532)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	44.153.022.419	35.291.040.670



Nguyễn Anh Tuấn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 22 tháng 3 năm 2022

Kế toán trưởng
Trần Việt Hùng

Người lập biểu
Đặng Lan Anh